PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN

(Kèm theo Quyết định số: 394 /QĐ-UBND ngày 15 / 02 /2024 của UBND tỉnh Bình Dương)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	Bình Mỹ	Tân Bình	Tân Lập	Tân Thành	Đất Cuốc	Hiếu Liêm	Lạc An	Tân Mỹ	Thường Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	***Đất nông nghiệp***	***NNP***	***813,09***	***13,85***	***55,84***	***43,11***	***343,93***	***28,25***	***223,01***	***11,76***	***61,70***	***22,26***	***9,38***
	Trong đó:												
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,48									0,48	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*											
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK											
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	810,21	13,85	55,84	43,11	343,93	28,25	223,01	11,76	61,70	19,37	9,38
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH											
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD											
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2,40									2,40	
1.7	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS											
1.8	Đất làm muối	LMU											
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH											
2	***Đất phi nông nghiệp***	***PNN***	***2,32***	***2,19***				***0,13***					
	Trong đó:												
2.1	Đất quốc phòng	CQP											
2.2	Đất an ninh	CAN	2,19	2,19									
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK											
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN											
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD											
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC											
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS											
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX											
2.9	Đất PTHT cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,13					0,13					
	Trong đó												
-	*Đất giao thông*	*DGT*											
-	*Đất thủy lợi*	*DTL*											
-	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*DVH*											
-	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*											
-	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*	*DGD*	0,13					0,13					
-	*Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*	*DTT*											
-	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*											
-	*Đất công trình bưu chính, viễn thông*	*DBV*											
-	*Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia*	*DKG*											
-	*Đất có di tích lịch sử - văn hóa*	*DDT*											

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	Bình Mỹ	Tân Bình	Tân Lập	Tân Thành	Đất Cuốc	Hiếu Liêm	Lạc An	Tân Mỹ	Thường Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
-	*Đất bãi thải, xử lý chất thải*	*DRA*											
-	*Đất cơ sở tôn giáo*	*TON*											
-	*Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*	*NTD*											
-	*Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ*	*DKH*											
-	*Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội*	*DXH*											
-	*Đất chợ*	*DCH*											
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL											
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH											
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV											
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT											
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT											
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC											
2.16	Đất xây dựng trụ sở của TCSN	DTS											
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG											
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN											
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON											
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC											
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK											